

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HS-ST
Ngày 07-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Biên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Lâm,

Ông Đàm Đình Lập.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Phong, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Bà Mã Thị Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 168/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Bào Văn T (tên gọi khác: Không). Sinh ngày 05 tháng 7 năm 1997 tại tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm L, xã N, huyện K, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lục Văn H, sinh năm 1977 và bà Bào Thị P, sinh năm 1976; có vợ Lương Thị P, sinh năm 2000 và 01 con; tiền sự: Không có.

Tiền án: Năm 2016, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích (Chưa thi hành xong hình phạt bổ sung).

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2021; hiện đang bị tạm giam tại tạm giữ Công an thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Triệu Bằng G, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1998, trú tại: Xóm N, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

2. Lò Văn T, sinh năm 1992, trú tại: Bản P, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; vắng mặt.

3. Lường Thị T, sinh năm 1992, trú tại: Bản P, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; vắng mặt.

4. Tòng Thị L, sinh năm 1998, trú tại: Bản M, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; vắng mặt.

5. Nguyễn Công T, sinh năm 1988, trú tại: Xóm Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

6. Lương Thị D, sinh năm 1989, trú tại: Chung cư D, Quận H, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

7. Nguyễn Thị Mỹ U, sinh năm 2003, trú tại: bản B, xã Y, huyện T, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

8. Lô Thị G, sinh năm 2003, trú tại: Bản H, xã Y, huyện T, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

9. Bùi Thị H, sinh năm 1999, trú tại: thôn V, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

10. Mộng Thị T, sinh năm 1985, trú tại: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

11. Nguyễn Thị Ngọc Như, sinh năm 1995, trú tại: Ấp H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 23 giờ ngày 09/4/2021 tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm trật tự xã hội Công an tỉnh Cao Bằng phối hợp với Công an huyện K; Đoàn Biên phòng N - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng đang làm nhiệm vụ tại khu vực xóm B, xã N, huyện K, tỉnh Cao Bằng, phát hiện Bào Văn T (sinh

1997, trú tại L, xã N, huyện K, Cao Bằng) đang đưa, dẫn 12 người hướng về biên giới để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Tổ công tác đã đưa nhóm người trên đến trụ sở Công an huyện K để tiếp tục điều tra làm rõ và tạm giữ của T 01 điện thoại di động.

Qua điều tra vụ án đã xác định được như sau: Bào Văn T có quen biết với Mông Văn L (sinh 1990, hộ khẩu thường trú: xóm P, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng, chỗ ở hiện nay: Xóm C, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng), vì L thường đến nhà T chơi để trao đổi việc đưa người vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc thành công thì sẽ được trả tiền công, T đồng ý, nên L gửi cho T một tài khoản Wechat của một người đàn ông Việt Nam đang sinh sống tại Trung Quốc để liên lạc thống nhất việc đưa người, qua trao đổi người này tự giới thiệu tên Hải, sau đó hai bên thống nhất sẽ đưa người xuất cảnh trái phép qua mốc 798 thuộc xã N, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Khoảng 14 giờ ngày 09/4/2021, L liên lạc qua ứng dụng Wechat với T thông báo khoảng 21 giờ cũng ngày sẽ đón 12 người xuất cảnh trái phép, thành công sẽ được trả 200.000 đồng/01 người, T gọi điện cho Hải nêu thông báo đón người tại khu vực bãi đất trống ĐH (khu vực tập kết hàng hóa xuất khẩu) thuộc xóm B, N, K, Cao Bằng (T sẽ cắm một cọc treo túi nilon màu vàng ở bên trái đường để ký hiệu đón người). Khoảng 20 giờ 40 phút cùng ngày, L đến nhà T, sau đó cùng đi bộ đến điểm hẹn, L theo đường mòn đến mốc biên giới số 798 để cảnh giới, còn T đợi để đón người, khi Hải liên lạc báo cho T biết có 02 xe ô tô đang đưa người đến điểm hẹn, lúc mọi người xuống xe T đón được 12 người, sau đó nhóm người đang di chuyển được khoảng 200m thì bị tổ công tác phát hiện bắt quả tang, riêng L và một công dân xuất cảnh trái phép (không rõ họ tên, địa chỉ) đã chạy thoát.

Ngoài lần bị phát hiện ngăn chặn T còn khai nhận: Trước đó ngày 06/4/2021 T và L đã đưa thành công 20 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc qua mốc 798 và giao người cho Hải, sau khi L nhận tiền với Hải, đến hôm sau L đưa cho T 2.000.000 đồng. Tiền này T đã chi tiêu cho cá nhân hết.

Bào Văn T khai nhận có Mông Văn L được cùng đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc 02 lần, ngày 06/4/2021 đưa trót lọt 20 người, T được hưởng lợi 2.000.000 đồng; lần 02 thì bị bắt quả tang, qua xác minh L không có mặt tại địa phương, về số điện thoại 0369804025 L dùng liên lạc với T chủ thuê bao là Ngân Văn B (sinh 1983 trú tại Thanh Hóa), Cơ quan điều tra đã ủy thác điều tra để làm rõ nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả trả lời;

Đối với người đàn ông tên Hải sống tại Trung Quốc, qua điều tra trong Wechat của T không có dữ liệu nên không đủ căn cứ để thực hiện việc Tương

trợ tư pháp; Đối với người lái xe ô tô chở các công dân đến cho T, qua điều tra là Bùi Duy H (sinh 1981, tạm trú tại tổ 5, thị trấn K) H khai nhận được một người không quen biết gọi điện thuê xe ô tô chở người, H Không biết những người này xuất cảnh trái phép;

Đối với số điện thoại 0969 487 633 liên lạc với các công dân xuất cảnh trái phép, qua xác minh chủ thuê bao là Hoàng Văn M (sinh 1993, trú tại tỉnh Nghệ An); còn số 0327.525.321 chủ thuê bao là Nguyễn Hồng D (sinh 1975 trú tại tỉnh Thái Bình), Cơ quan điều tra đã ủy thác điều tra để làm rõ nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả trả lời, sau này nếu có đủ căn cứ sẽ xử lý bằng một vụ án khác.

Đối với 11 công dân xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Cơ quan điều tra đã thông báo đến các địa phương có công dân xuất cảnh trái phép để có biện pháp giáo dục nhắc nhở, không để tái phạm.

Tại bản cáo trạng số: 165/CT-VKSCB-P1 ngày 23/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Bào Văn T tội: “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Bào Văn T thừa nhận cáo trạng phản ánh đúng hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại cơ quan điều tra, những người làm chứng đã khai nhận đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai nhận của bị cáo Bào Văn T và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Bào Văn T về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bào Văn T phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”; về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 15; Khoản 3 Điều 57; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bào Văn T từ 08 - 09 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng, máy cũ đã qua sử dụng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý Triệu Bằng G trình bày lời bào chữa:

Nhất trí với cáo trạng truy tố bị cáo và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo. Tuy nhiên cần xem xét đến nguyên nhân phạm tội do dịch bệnh covid phức tạp ảnh hưởng đến cuộc sống, không có thu nhập việc làm ổn định nên khi được L rủ rê bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội mục đích để hưởng tiền công; Bị cáo không phải là người trực tiếp liên hệ với những người có nhu cầu xuất cảnh trái phép, bị cáo chỉ là đồng phạm với Hải trong việc Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Về nhân thân bị cáo tốt, phạm tội lần đầu. Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội chưa đạt. Nhất trí như đại diện Viện kiểm sát áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1; Điều 15; Điều 57 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về vật chứng: Nhất trí như đề nghị của Viện kiểm sát.

Bị cáo Bào Văn T không có lời bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo Bào Văn T và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo Bào Văn T tại phiên tòa là có căn cứ; hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ như:

Biên bản bắt người phạm tội quả tang, các lời khai của bị cáo tại các bản tự khai; kết quả nhận dạng ảnh; biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản hỏi cung; Lời khai của các công dân xuất cảnh trái phép phù hợp với lời khai của bị cáo về thời gian, địa điểm, số lượng người xuất cảnh trái phép cùng với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét các tài liệu chứng cứ phù hợp nhau về thời gian, địa điểm, mục đích thực hiện hành vi; các tài liệu chứng cứ được thu thập khách quan, đúng trình tự thủ tục tố tụng. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Đầu tháng 4/2021 Mông Văn L và Bào Văn T thống nhất đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc từ xóm B, xã N, huyện K, tỉnh Cao Bằng đến mốc 798 thuộc xã N, huyện K, tỉnh Cao Bằng để giao người cho Hải (không biết họ, địa chỉ đang sinh sống ở Trung Quốc) nếu thành công sẽ được trả 200.000 đồng/01 người. Đêm ngày 09/4/2021 Bào Văn T đang đưa dẫn 12 người đến nơi L đang chờ để đưa đến mốc 798 thì bị phát hiện bắt quả tang, lúc này L và một công dân xuất cảnh (không rõ họ tên, địa chỉ) đã chạy thoát.

Xét thấy hành vi của bị cáo Bào Văn T tổ chức đón, đưa 12 công dân vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê mà không làm thủ tục xuất, nhập cảnh theo quy định của pháp luật với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vì động cơ vụ lợi. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo Bào Văn T đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội *“Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là có căn cứ pháp luật.

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do điều kiện kinh tế khó khăn, tại địa phương không có việc làm ổn định; xuất phát từ nhu cầu đi sang Trung Quốc lao động của một số công dân; nhận thức pháp luật của bị cáo và những người đi lao động còn tồn tại nhiều hạn chế, dễ bị lôi kéo, dụ dỗ, biết hành vi của bản thân vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện để được hưởng lợi về kinh tế.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương; tiềm ẩn nguy cơ

phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp, đặc biệt xảy ra trong thời gian cả nước đang thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 và chỉ đạo của các ngành, các cấp về ngăn chặn, đấu tranh với các hành vi xuất, nhập cảnh qua biên giới.

Do vậy, việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo là người sử dụng ma túy, đã bị Tòa án xét xử vào năm 2016, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích (Chưa thi hành xong hình phạt bổ sung).

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự là “Tái phạm”.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về phạm tội chưa đạt: Hành vi tổ chức đón, đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc của bị cáo chưa thực hiện được, nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, cần áp dụng Điều 15, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt chính:

Xét thấy mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

Xét ý kiến của người bào chữa về hình phạt cho bị cáo là có căn cứ theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Điện thoại bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo Bào Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bào Văn T phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bào Văn T: 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 10/4/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với bị cáo: 01 điện thoại di động được đựng ở trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus của Bào Văn T MK 000000”.

Xác nhận số vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số: 33 ngày 24 tháng 11 năm 2021.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bào Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Bào Văn T có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Cao Bằng;
- CQ ANĐT CA tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Phòng KTNV&THA;
- Nhà tạm giữ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Biên Hòa